

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 30/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11/9/2020.

“V/v xin ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Ông Lê Hoàng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hùng;

2. Ông Huỳnh Trung Thảo.

T ký phiên toà: Ông Lê Trần Minh Châu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên toà:
Không tham gia.

Vào ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 193/2020/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020, về việc tranh chấp “Xin ly hôn và tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị V, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp D, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Ông Đặng Thanh T, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp D, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/5/2020, tờ tường trình ngày 12/6/2020; biên bản hòa giải ngày 12/6/2020 và tại phiên toà bà Dương Thị V trình bày: Bà và ông Đặng Thanh T tìm hiểu và kết hôn với nhau năm 1987, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (theo giấy chứng nhận kết hôn số 143 ngày 31/10/2002). Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc và có sinh được 05 đứa con chung tên Đặng Văn X, sinh năm 1988, Đặng Văn T, sinh năm 1991, Đặng Văn D, sinh năm 1994, Đặng Hoài P, sinh năm 2000 và Đặng Thị Cẩm T, sinh ngày 05/4/2003. Đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông T từng xuyên tạc chức nhậu nhẹt, về nhà kiểm chuyện chửi vợ con, ngoài ra còn đánh đập thô bạo, từ đó đời sống hôn nhân không đạt được, bà và ông T đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay bà thấy giữa bà với ông T không thể hàn gắn, chung sống lại với nhau được.

Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Đặng Thanh T.

- Về con chung: Vợ chồng có sinh được 05 đứa con chung gồm: Đặng Văn X, sinh năm 1988, Đặng Văn T, sinh năm 1991, Đặng Văn D, sinh năm 1994, Đặng Hoài P, sinh năm 2000 và Đặng Thị Cẩm T, sinh ngày 05/4/2003. Đối với các con tên X, T, D và P hiện đã trưởng thành và đã lập gia đình riêng, có khả năng lao động tự tạo thu nhập nuôi sống bản thân nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Đối với cháu T hiện đang sống với ông T, khi ly hôn bà đồng ý giao cháu T cho ông T nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 12/6/2020 ông Đặng Thanh T trình bày: Thừa nhận ông với bà Dương Thị V tự tìm hiểu và kết hôn với nhau năm 1987, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (theo giấy chứng nhận kết hôn số 143 ngày 31/10/2002). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có sinh được 05 đứa con chung tên Đặng Văn X, sinh năm 1988, Đặng Văn Tâm, sinh năm 1991, Đặng Văn D, sinh năm 1994, Đặng Hoài P, sinh năm 2000 và Đặng Thị Cẩm T, sinh ngày 05/4/2003. Về sau, trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, xảy ra bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông có nhậu nhẹt, đôi khi có đánh và chửi vợ con. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay.

Nay bà V yêu cầu ly hôn với ông, ông không đồng ý theo yêu cầu của bà Dương Thị V do còn Tong vợ, Tong con.

- Về con chung: Vợ chồng có sinh được 05 đứa con chung gồm: Đặng Văn X, sinh năm 1988, Đặng Văn Tâm, sinh năm 1991, Đặng Văn D, sinh năm 1994, Đặng Hoài P, sinh năm 2000 và Đặng Thị Cẩm T, sinh ngày 05/4/2003. Đối với các con tên X, Tâm, D và P hiện đã trưởng thành và đã lập gia đình riêng, có khả năng lao động tự tạo thu nhập nuôi sống bản thân nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Đối với cháu T hiện đang sống với ông, ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, ông không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Dương Thị V nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp về việc tranh chấp Xin ly hôn và tranh chấp nuôi con chung, đối với ông Đặng Thanh T. Xét thấy, người khởi kiện có quyền khởi kiện và đã thực hiện đúng về thủ tục khởi kiện theo quy định tại các Điều 186, 188, 189, 190 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào xác nhận của Công an xã Phú Ninh, hiện ông T vẫn còn đang cư trú và sinh sống tại địa chỉ: Ấp D, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Dương Thị V khởi kiện yêu cầu được ly hôn, thống nhất giao con chung cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng, nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Xin ly hôn và tranh chấp nuôi con chung” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Bà Dương Thị V xin ly hôn đối với ông Đặng Thanh T, thống nhất giao con chung chưa thành niên của bà và ông T tên Đặng Thị Cẩm T, sinh ngày 05/4/2003 cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng. Tại biên bản hòa giải ngày 12/6/2020, ông T không đồng ý ly hôn, yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung chưa thành niên tên Đặng Thị Cẩm T, sinh ngày 05/4/2003.

Hội đồng xét xử nhận định:

[3.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Dương Thị V với ông Đặng Thanh T là hoàn toàn tự nguyện và thực tế đã xảy ra, ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định, nhưng trong quá trình chung sống, vợ chồng ông, bà Tồng xuyên phát sinh mâu thuẫn, cự cãi nhau, dẫn đến bà V và ông T ly thân với nhau từ năm 2015 cho đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải, động viên cho vợ ông, bà hàn gắn, chung sống lại với nhau, nhưng cả 2 gặp nhau luôn cự cãi, mâu thuẫn nhau. Xét thấy, đời sống chung của ông, bà không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà V đối với ông T là hoàn toàn phù hợp và đúng theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà V và ông T có sinh được 05 đứa con chung gồm: Đặng Văn X, sinh năm 1988, Đặng Văn Tâm, sinh năm 1991, Đặng Văn D, sinh năm 1994, Đặng Hoài P, sinh năm 2000 và Đặng Thị Cẩm T, sinh ngày 05/4/2003. Đối với anh Đặng Văn X, Đặng Văn Tâm, Đặng Văn D và Đặng Hoài P hiện nay đã trưởng thành, đã lập gia đình riêng và có khả năng lao động tự tạo thu nhập nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên Tòa, bà V thống nhất giao cháu T cho ông T nuôi dưỡng, tại biên bản hòa giải ngày 12/6/2020 ông T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, ông không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi bà V và ông T ly thân cho đến nay, con chung của bà V và ông T tên Đặng Thị Cẩm T, sinh ngày 05/4/2003, do ông T nuôi dưỡng, trong quá trình nuôi dưỡng, ông T vẫn đảm bảo cho cháu T có cuộc sống ổn định, phát triển tốt. Mặc khác, tại đơn yêu cầu ngày 04/6/2020 cháu T cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với ông T, nghĩ nên tiếp tục giao T cho ông T nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bà V được quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, bà V trình bày bà và ông T không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Tại biên bản hòa giải ngày 12/6/2020, ông

T trình bày: Ông và bà V không có tài sản chung và không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, ông T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T là phù hợp và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56 và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1/ Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Dương Thị V đối với ông Đặng Thanh T, theo giấy chứng nhận kết hôn số 143 ngày 31/10/2002, của Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Cho bà Dương Thị V và ông Đặng Thanh T được ly hôn với nhau.

2/ Về con chung:

Tiếp tục giao con chung của bà Dương Thị V và ông Đặng Thanh T tên Đặng Thị Cẩm T, sinh ngày 05/4/2003, cho ông Đặng Thanh T nuôi dưỡng.

Bà Dương Thị V không cấp dưỡng nuôi con, do ông T không yêu cầu.

Bà Dương Thị V được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3/ Về án phí: Bà Dương Thị V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà V đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002552 ngày 04/6/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

Báo cho nguyên đơn biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- UBND xã P;
- Các đương vụ trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Hoàng Vũ